UBND TỈNH TUYÊN QUANG
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-SKHCN
DỰ THẢO

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thay thế Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Khoản 2 Điều 57 Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18/06/2013; Điều 8 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/ 2018;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Khoản 3 Điều 217 Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12/6/2017; Khoản 4 Điều 99 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Sở hữu trí tuệ ngày 25/6/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022.

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19/07/2019 của Bộ Tài chính Quy định quản lý tài chính thực hiện Đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025";

Căn cứ Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19/5/2021 của Bộ Tài chính quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021- 2030;

Căn cứ Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09/9/2021 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý tài chính thực hiện chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 25/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh giai đoạn 2023-2026,

Sở Khoa học và Công nghệ kính trình UBND tỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thay thế Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ pháp lý

Trong thời gian qua, Quốc hội, Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật cũng như các chiến lược, chương trình, kế hoạch trong lĩnh vực khoa học và công nghệ (KH&CN) giai đoạn 2021-2030. Vì vậy, để cập nhật đầy đủ các nội dung, định mức hỗ trợ phù hợp theo các luật, nghị định, thông tư, các chiến lược, chương trình của Trung ương và các bộ, ngành liên quan hướng dẫn về phát triển hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để vận dụng rà soát, sửa đổi cơ chế, chính sách hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là cần thiết.

Về hệ thống văn bản quy phạm pháp luật cũng như các chiến lược, chương trình, kế hoạch trong lĩnh vực khoa học công nghệ có liên quan, cụ thể:

- Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

- Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Sở hữu trí tuệ ngày 25/6/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022.

- Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19/07/2019 của Bộ Tài chính Quy định quản lý tài chính thực hiện Đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025";

- Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19/5/2021 của Bộ Tài chính quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021- 2030;

- Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09/9/2021 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý tài chính thực hiện chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

- Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý tài chính thực hiện Đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025".

- Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030.

- Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về quản lý tài chính thực hiện chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030.

- Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".

- Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược sở hữu trí tuệ (SHTT) đến năm 2030.

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030.

- Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030.

- Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2030.

- Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 25/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030.

- Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 27/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030.

- Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 01/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030.

- Quyết định số 1158/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030.

- Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình ứng dụng khoa học và đổi mới công nghệ nâng cao năng suất, chất lượng, phát triển thương hiệu các sản phẩm chủ lực và đặc sản trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 2282/QĐ-BKHCN ngày 13/9/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Kế hoạch phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

- Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, nhiệm kỳ 2021 -2026.

- Chương trình công tác số 01/CTr-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh về Chương trình công tác năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 04/02/2021 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc" trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 19/4/2022 thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025.

- Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 31/5/2022 thực hiện Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Một số nội dung, định mức hỗ trợ căn cứ theo quy định tại một số Nghị định, Thông tư có liên quan nêu trên, cụ thể:

(1) Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện cho tổ chức khoa học và công nghệ, nhà khoa học liên kết với doanh nghiệp và tổ chức khác để xác định, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ yêu cầu đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hoá. Tại điểm a khoản 2 Điều 32 Luật Khoa học và công nghệ cũng quy định: *"Hỗ trợ đến 30% vốn đầu tư cho dự án của doanh nghiệp ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ để tạo ra sản phẩm mới hoặc nâng cao năng suất, chất*

lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm từ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; hỗ trợ đến 50% vốn đầu tư cho dự án thực hiện ở vùng kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn".

Tại điểm a khoản 2 Điều 28 của Quyết định số 04/2021/QĐ-TTg ngày 29/01/2021 ban hành Điều lệ hoạt động của Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia có quy định *"tài trợ đến 30% vốn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ".*

Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ nêu: *"Trường hợp chưa có quỹ phát triển khoa học và công nghệ, Thủ trưởng cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ....Đơn vị dự toán cấp I của các bộ,..., Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm giao dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt vào tài khoản dự toán của đơn vị...tại Kho bạc Nhà nước để thực hiện nhiệm vụ".*

Nguồn kinh phí hỗ trợ thông qua nhiệm vụ khoa học và công nghệ bố trí từ: Quỹ phát triển khoa học và công nghệ; Ngân sách nhà nước dành cho khoa học và công nghệ; nguồn kinh phí hợp pháp khác (theo khoản 4 Điều 8 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP).

(2) Hỗ trợ chuyển giao, đổi mới công nghệ

Nhà nước có chính sách đối với hoạt động chuyển giao công nghệ, Luật chuyển giao công nghệ năm 2017 đã xác định:

"- Hỗ trợ ý tưởng công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hoạt động ứng dụng, đổi mới công nghệ, liên kết giữa tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với cơ sở đào tạo, cơ sở sản xuất; chú trọng thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra trong nước; phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ.

- Đẩy mạnh chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ cao từ nước ngoài vào Việt Nam; khuyến khích chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài; thúc đẩy chuyển giao công nghệ trong nước; chú trọng lan tỏa công nghệ tiên tiến, công nghệ cao từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang doanh nghiệp trong nước; thúc đẩy phong trào đổi mới sáng tạo của tổ chức, cá nhân".

Tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP có quy định điều kiện được hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao công nghệ: "*Có hợp đồng chuyển giao công nghệ";* tại khoản 3, 4 mục II của Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 25/01/2021 của Chính phủ có nêu: "*Tạo điều kiện, hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động hợp tác giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ để tìm kiếm, chuyển giao công nghệ,…; tiếp nhận, chuyển giao, nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm, ứng dụng công nghệ mới…và thay đổi quy trình công nghệ để tạo ra các sản phẩm có sức tiêu thụ lớn, chiếm lĩnh thị trường*".

(3) Hỗ trợ về Sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

Tại khoản 3 Điều 11 có quy định "*Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn xác lập quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp".*

- Tại khoản 1 Điều 21: *"Lựa chọn các doanh nghiệp có giải thưởng cấp quốc gia, quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo hoặc sản phẩm, dự án đổi mới sáng tạo; hoặc được cấp văn bằng bảo hộ đối với sáng chế; hoặc được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học công nghệ".*

- Điểm a, b, c khoản 2 Điều 22: *"Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp; hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng bản mô tả sáng chế, bản thiết kế kiểu dáng công nghiệp,...nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp; hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp".*

- Điểm c khoản 4 Điều 25 *"Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 10 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp; hợp đồng tư vấn xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp".*

Tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ có quy định: *"2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt mức hỗ trợ cao hơn mức hỗ trợ quy định tại Nghị định này từ nguồn ngân sách địa phương".*

2. Căn cứ thực tiễn

Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVII, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 12/12/2013 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2014 về cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND). Qua gần 10 năm triển khai thực hiện, Nghị quyết đã thực sự đi vào cuộc sống, thực hiện đảm bảo đúng quy định và đã hỗ trợ nhiều doanh nghiệp, doanh nhân, cá nhân góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh; đồng thời, nâng cao nhân thức của người dân, doanh nghiệp trong hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh[1], cụ thể như:

- Hoạt động ứng dụng hỗ trợ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu đã tạo động lực thúc đẩy các tổ chức, danh nghiệp, cá nhân đăng ký, xác lập nhãn hiệu hàng hoá, góp phần phát triển thương hiệu các sản phẩm; đồng thời, tăng cường quảng bá hình

[1] Giai đoạn 2015 - 2022, tổng cộng số lượt tổ chức, cá nhân được hỗ trợ theo Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND là: 26 doanh nghiệp, cá nhân với tổng kinh phí đã hỗ trợ là 5.255 triệu đồng.

ảnh, sản phẩm trên thị trường, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động thương mại, hàng hóa, dịch vụ giúp tăng vị thế, khả năng cạnh tranh hàng hoá trên thị trường trong và ngoài nước.

- Hoạt động hỗ trợ tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng (hỗ trợ xây dựng, đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO, HACCP và các tiêu chuẩn khác; xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở; hệ thống chỉ tiêu đo lường năng suất của doanh nghiệp; đánh giá chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn, hợp quy,...) giúp cho doanh nghiệp tiếp cận được hệ thống quản lý chất lượng tiến tiến góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, giúp doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm dựa trên ứng dụng, chuyển giao công nghệ và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, đổi mới công nghệ để phát triển bền vững.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện, nhiều văn bản pháp lý là căn cứ ban hành Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh đã hết hiệu lực (Các Luật: Khoa học và công nghệ ngày 09/6/2000; Luật Đầu tư ngày 29/11/2005; Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005; Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009; Luật Chuyển giao Công nghệ ngày 29/11/2006; Các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 119/1999/NĐ-CP ngày 18/9/1999 về một số chính sách và cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học và Công nghệ; Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ; Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp; Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/ 9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp; Nghị định số 133/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ), đã được thay thế bởi các văn bản quy phạm pháp luật mới, nên một số nội dung, quy định hỗ trợ trong Nghị quyết không còn phù hợp, cần được bổ sung, sửa đổi.

Do vậy, việc xây dựng Nghị quyết về cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh thay thế Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh là cần thiết, nhằm hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thúc đẩy sản xuất, kinh doanh hiệu quả, tiếp tục có nhiều đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Tuyên Quang.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh cho phù hợp với các quy định của Trung ương mới ban hành và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương nhằm thúc đẩy các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong phát triển hoạt động khoa học công nghệ thông qua một số chính sách hỗ trợ tài chính trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

Việc xây dựng Nghị quyết (thay thế) đảm bảo đúng theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Khoa học và công nghệ, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Chuyển giao công nghệ; Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, các văn bản hướng dẫn Luật và các quy định hiện hành.

Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và phù hợp với các quan điểm, định hướng của Đảng, chính sách pháp luật hiện hành của Nhà nước và điều kiện của tỉnh trong việc thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ, ứng dụng, đổi mới công nghệ; nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm; sở hữu trí tuệ; phát triển thị trường khoa học và công nghệ, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo…, nhằm tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội dựa trên nền tảng của tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Sở Khoa học và Công nghệ đã rà soát Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; tổ chức soạn thảo dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thay thế Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, cụ thể như sau:

(1). Trong quý II/2023, Sở Khoa học và Công nghệ đã rà soát, xây dựng dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Ngày 01/8/2023, Sở Khoa học và Công nghệ có Văn bản số 978/SKHCN-QLCN&TĐC gửi lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân vào dự thảo Nghị quyết; đồng thời, đăng tải trên cổng Thông tin điện tử tỉnh để lấy ý kiến tham gia của các tổ chức, cá nhân. Kết quả, đã có 25/32 cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến đã có văn tham gia ý kiến, trong đó có 05/25 cơ quan, đơn vị có ý kiến đề nghị bổ sung, chỉnh sửa; 20/25 cơ quan, đơn vị nhất trí với dự thảo sửa đổi, bổ sung Nghị quyết; Sở Khoa học và Công nghệ đã nghiên cứu, tiếp thu chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết.

(2) Trên cơ sở hồ sơ dự thảo xây dựng Nghị quyết đã hoàn thiện, ngày 13/9/2023, Sở Khoa học và Công nghệ có Văn bản số 1170/SKHCN-QLCN&TĐC gửi Sở Tư pháp đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(3) Ngày 25/9/2023, Sở Tư pháp đã có Báo cáo số 363/BC-STP về kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ nội dung Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp: Ngoài việc đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát các căn cứ ban hành, về đối tượng áp dụng, một số nội dung hỗ trợ; ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo,…cần tiếp tục rà soát Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND để kiến nghị xử lý những nội dung không còn phù hợp, biên soạn lại dự thảo Nghị quyết theo hướng thay thế Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND.

(4) Để dự thảo Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đảm bảo phù hợp, Sở Khoa học và Công nghệ hoàn thiện dự thảo hồ sơ Nghị quyết theo hướng thay thế và có Văn bản số….gửi xin ý kiến thẩm định lại của Sở Tư pháp; đồng thời tiếp tục gửi xin ý kiến các sở, ngành, đơn vị có liên quan theo quy định.

Căn cứ ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số …./BC-STP ngày …/10/2023 và các ý kiến tham gia của các sở, ngành, đơn vị liên quan, Sở Khoa học và Công nghệ đã rà soát, biên soạn lại dự thảo Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Dự thảo Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích

doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, gồm 4 Điều, trong đó:

(1) Điều 1. Quy định Cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang: Gồm khoản 1. Đối tượng áp dụng, khoản 2. Hoạt động được hỗ trợ và khoản 3. Nội dung, định mức hỗ trợ.

Đối với khoản 2 và khoản 3 có rà soát, điều chỉnh nội dung, định mức hỗ trợ đối với hoạt động:

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ (đào tạo về quản lý công nghệ, quản trị công nghệ; cập nhật công nghệ mới, tìm kiếm công nghệ; đàm phán và chuyển giao công nghệ; kỹ năng vận hành, khai thác hiệu quả các công nghệ; thích nghi, cải tiến công nghệ; bồi dưỡng chuyên sâu về thiết kế, phát triển sản phẩm trên công nghệ).

- Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn; xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở; đánh giá chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn và đánh giá chứng nhận hợp quy; tham gia Giải thưởng Chất lượng Quốc gia, khu vực, quốc tế; áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.

- Hỗ trợ xác lập quyền bảo hộ tài sản trí tuệ (quyền sở hữu công nghiệp).

- Hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

(2) Điều 2. Tổ chức thực hiện.

(3) Điều 3. Điều khoản thi hành.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ CÒN CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU: Không.

Trên cơ sở ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị, đặc biệt là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ đã tiếp thu tối đa các ý kiến tham gia *(có Biểu tổng hợp kèm theo).*

Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo và kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành./.

Nơi nhận:
- Như trên (kính trình);
- Văn phòng UBND tỉnh (phối hợp trình);
- Sở Tư pháp;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vi thuộc Sở;
- Lưu: VT, QLCN&TĐC.(ĐTh).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đại Thành